

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 3-2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bảy
- Ông Phan Thành Phước

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2024/TLST-HN ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32a/2024/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà P có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông V vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông V. Bà và ông V quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới vào năm 1998 được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 được UBND xã N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2003. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cả hai không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Những cuộc cự cãi giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều nguyên nhân là do ông V cờ bạc không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, mọi việc trong gia đình chỉ một mình bà lo.

Vợ chồng bà không thể tiếp tục sống chung, cả hai không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Nay bà

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông V. Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng giữa vợ và chồng cho bà, bà cũng không cấp dưỡng cho ông V.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1999, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận ông Nguyễn Văn V hiện có đăng ký thường trú tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà Nguyễn Thị P có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn V kết hôn vào năm 2003, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nn vào ngày 20/11/2003 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P do bất đồng sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cả hai không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Những cuộc cự cãi giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều nguyên nhân là do ông V cờ bạc không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, mọi việc trong gia đình chỉ một mình bà lo. Vợ chồng bà không thể tiếp tục sống chung, cả hai không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông V. Ông V đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc bà P xin ly hôn, chứng

tổ ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông bà là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa bà P và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai ông bà không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà P là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Bà P trình bày có 01 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1999, đã trưởng thành, đủ khả năng lao động không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] *Về tài sản chung*: Bà trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Bà P trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Về án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P.

Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. *Về con chung*: Con chung tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1999, đã trưởng thành, đủ khả năng lao động không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Bà trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà P trình bày không có nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005352 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);

- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã N
(số 67 ngày 20-11-2003)(01b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

Nguyễn Thị Thúy Uyên

